SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 606/TB-TTKN

Cần Thơ, ngày 20 tháng 11 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Về việc tiếp nhận báo giá dịch vụ hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm thiết bị năm 2026 đợt 2)

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm thiết bị tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có cơ sở lựa chọn nhà cung cấp hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm thiết bị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin nhận báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 399/9 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.
- Số điện thoại: 0292 3831030
- Email: hanhchinhquantri.kn.cantho@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến **Phòng Hành chính quản trị, Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ**, số 399/9 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

- Hồ sơ báo giá là bản giấy theo mẫu, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của đơn vị.

- Hồ sơ phải được niêm phong, bên ngoài ghi rõ: Báo giá theo Yêu cầu báo giá số 606/TB-TTKN, bộ phận không liên quan không được mở bao thư.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20./.11../2026 đến hết ..11... giờ..00 phút ngày 26../11../2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm: Phụ lục 1 *(đính kèm)* (Tổng số lượng thiết bị: 69 thiết bị)

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: tại Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, số 399/9 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

3. Thời gian thực hiện: quý IV/2026

4. Các thông tin bắt buộc:

- Báo giá phải thể hiện đầy đủ các thông tin: tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, người đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu theo quy định.

- Giá chào bằng đồng Việt Nam (VNĐ), đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí đi lại, chi phí thực hiện tại Trung tâm, chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, viên chuẩn (nếu có), chi phí vận chuyển thiết bị từ Trung tâm đến nơi thực hiện dịch vụ và ngược lại đối với các thiết bị phải thực hiện hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm tại cơ sở của nhà cung cấp, cùng các chi phí liên quan khác để hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu của Trung tâm.

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/kinh doanh;

+ Hồ sơ năng lực của nhà cung cấp;

+ Tài liệu/Giấy chứng nhận chứng minh năng lực cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm theo hạng mục tương ứng;

+ Giấy chứng nhận công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 còn hiệu lực và phạm vi công nhận tương ứng đối với các phép hiệu chuẩn/thử nghiệm thuộc yêu cầu công nhận;

+ Hồ sơ năng lực nhà thầu phụ (nếu có);

+ Chứng chỉ/chứng nhận đào tạo chuyên môn của kỹ thuật viên trực tiếp thực hiện dịch vụ (nếu có yêu cầu);

+ Cung cấp đầy đủ thông tin truy xuất nguồn gốc chuẩn đo lường (liên kết chuẩn) kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định, thử nghiệm sau khi hoàn thành dịch vụ;

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có) được đóng dấu rõ ràng.

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ danh mục thiết bị theo năng lực thực hiện.

- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo quản thiết bị trong quá trình tiếp nhận, vận chuyển, thao tác và thực hiện dịch vụ. Trường hợp xảy ra mất mát, hư hỏng do lỗi của nhà cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường theo quy định.

- Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 *(đính kèm)*. Trường hợp nhà cung cấp không sử dụng đúng biểu mẫu báo giá của Trung tâm nhưng nội dung cung cấp đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo các thông tin cần thiết theo yêu cầu thì vẫn được chấp nhận.

5. Báo giá phải gửi đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu báo giá tại Mục II.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ Trung tâm;
- Các khoa/phòng thuộc Trung tâm;
- Phòng HCQT (Đăng trang web);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Thị Cẩm Thúy

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM

Phụ lục 1

DANH MỤC THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN/BẢO TRÌ/KIỂM ĐỊNH/THỬ NGHIỆM NĂM 2026 ĐỢT 2

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 606/TB-TTKN ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ)

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
1.	Cân phân tích Mettler Toledo MS204S/A73	TB/HM/001.11	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
2.	Cân phân tích OHAUS PX224/E	TB/DL/001.12	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
3.	Cân phân tích AND GH-200	TB/DL/001.13	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
4.	Cân phân tích AND GH-202 (5 số lẻ)	TB/DL/001.14	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
5.	Cân phân tích AND GH-202	TB/VL/001.15	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
6.	Cân phân tích Precisa XT 220A	TB/VS/001.16	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
7.	Cân kỹ thuật AND EK-610i	TB/DL/002.03	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
8.	Cân kỹ thuật AND FY-300	TB/VS/002.04	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
9.	Cân kỹ thuật OHAUS Pioneer PA2102	TB/VS/002.05	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi
10	Máy đo pH Inolab pH7310P	TB/HM/004.03	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác
11	Máy đo pH Peak Instrument T-710P	TB/DL/004.04	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
12	Máy đo pH OHAUS STARTER5000	TB/VL/004.05	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác
13	Máy đo pH SI Analytics HandyLab 100	TB/VL/004.06	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác
14	Máy đo pH Mettler Toledo Sevencompact S220	TB/VS/004.07	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác
15	Máy chuẩn độ điện thế SI Analytics TitroLine 7800	TB/VL/005.03	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác buret (ml): 10 (02 cái buret) + Hiệu suất điện cực: môi trường pH, môi trường khan, điện cực oxy hóa khử, Karl - Fischer + Độ chính xác

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Độ tuyến tính + Độ đúng
16	Máy chuẩn độ Karl-Fischer SI Analytics TitroLine 7500 KF	TB/VL/006.03	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác buret (ml): 10 + Độ chính xác + Độ tuyến tính + Độ đúng
17	Máy thử độ tan rã Erweka ZT-222	TB/DL/009.05	01	x	x			- Bảo trì. - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác thời gian (phút): 05, 15, 30, 60 + Kiểm tra nhiệt độ + Biên độ dao động (độ dài của 1 nhịp) + Tần suất dao động (chu kỳ/phút)
18	Máy đo độ hòa tan ERWEKA DT820	TB/HM/010.05	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ cân bằng thiết bị + Tính hướng tâm + Độ sâu của cánh khuấy, giỏ quay + Độ rung lắc thiết bị + Độ chính xác thời gian (phút): 30, 45, 60,120,240 + Độ chính xác tốc độ quay (vòng/phút): 50, 100, 150

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Kiểm tra nhiệt độ + Đánh giá hiệu năng
19	Máy đo độ hòa tan Pharma Test PTWS 820D	TB/DL/010.06	01	x	x			- Bảo trì. - Hiệu chuẩn: + Độ cân bằng thiết bị + Tính hướng tâm + Độ sâu cánh khuấy, giỏ quay + Độ rung lắc thiết bị + Độ chính xác thời gian (phút): 30, 45, 60, 120, 240 + Độ chính xác tốc độ quay (vòng/phút): 50, 100, 150 + Kiểm tra nhiệt độ + Đánh giá hiệu năng
20	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến Shimadzu UV-1800	TB/HM/011.03	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác bước sóng + Độ chính xác hấp thụ + Giới hạn ánh sáng lạc + Độ nhiễu + Độ trôi đường nền + Độ phẳng đường nền + Độ phân giải + Kiểm tra cốc đo
21	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến Hitachi U-2900	TB/DL/011.04	01	x	x			- Bảo trì. - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác bước sóng

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Độ chính xác hấp thụ + Giới hạn ánh sáng lạc + Độ nhiễu + Độ trôi đường nền + Độ phẳng đường nền + Độ phân giải + Kiểm tra cốc đo
22	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến HITACHI U2900	TB/VL/011.05	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác bước sóng + Độ chính xác hấp thụ + Giới hạn ánh sáng lạc + Độ nhiễu + Độ trôi đường nền + Độ phẳng đường nền + Độ phân giải + Kiểm tra cốc đo
23	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Waters e2695	TB/HM/014.12	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Bơm: • Độ chính xác tốc độ dòng • Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: • Độ chính xác nhiệt độ • Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: • Độ chính xác thể tích tiêm • Độ lặp lại thể tích tiêm

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								• Độ lây nhiễm chéo • Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: • Độ chính xác bước sóng • Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: • Độ lặp lại hệ thống • Độ tuyến tính hệ thống
24	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Hitachi CM 5000	TB/DL/014.13	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Bơm: • Độ chính xác tốc độ dòng • Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: • Độ chính xác nhiệt độ • Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: • Độ chính xác thể tích tiêm • Độ lặp lại thể tích tiêm • Độ lây nhiễm chéo • Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: • Độ chính xác bước sóng • Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: • Độ lặp lại hệ thống • Độ tuyến tính hệ thống

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
25	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Hitachi CM 5000	TB/DL/014.14	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Bơm: • Độ chính xác tốc độ dòng • Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: • Độ chính xác nhiệt độ • Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: • Độ chính xác thể tích tiêm • Độ lặp lại thể tích tiêm • Độ lây nhiễm chéo • Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: • Độ chính xác bước sóng • Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: • Độ lặp lại hệ thống • Độ tuyến tính hệ thống
26	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Hitachi CM 5000	TB/DL/014.15	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Bơm: • Độ chính xác tốc độ dòng • Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: • Độ chính xác nhiệt độ • Độ ổn định nhiệt độ

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Bộ tiêm mẫu: • Độ chính xác thể tích tiêm • Độ lặp lại thể tích tiêm • Độ lây nhiễm chéo • Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: • Độ chính xác bước sóng • Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: • Độ lặp lại hệ thống • Độ tuyến tính hệ thống
27	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Agilent 1260 infinity	TB/VL/014.16	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Bơm: • Độ chính xác tốc độ dòng • Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: • Độ chính xác nhiệt độ • Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: • Độ chính xác thể tích tiêm • Độ lặp lại thể tích tiêm • Độ lây nhiễm chéo • Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: • Độ chính xác bước sóng • Độ nhiễu - độ trôi

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Hệ thống: • Độ lặp lại hệ thống • Độ tuyến tính hệ thống
28	Lò nung Nabertherm LT 24/11	TB/DL/016.03	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 450, 500, 600, 800 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
29	Tủ sấy Memmert UNE 200	TB/DL/018.04	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 80, 85, 100, 105. + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
30	Tủ sấy Memmert UN110	TB/VL/018.05	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 60, 100, 105 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
31	Tủ sấy 300 ZBY149-83	TB/VS/018.06	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 170, 190 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
32	Tủ Ấm lạnh Memmert	TB/VS/019.02	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn:

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
	IPP110							+ Nhiệt độ (°C): 20, 25 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
33	Tủ ấm Memmert IN110	TB/HM/020.05	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 45 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
34	Tủ ấm Memmert IN110	TB/VS/020.06	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 30, 35 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
35	Tủ ấm Ehret BK-4062	TB/VS/020.08	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 30, 35 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
36	Tủ ấm 37^0C	TB/VS/020.09	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 30, 35 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
37	Tủ ấm BINDER BD53	TB/VS/020.10	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn:

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Nhiệt độ (°C): 30, 35 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
38	Nồi hấp tiệt trùng Sturdy SA-300VF	TB/VS/022.04	01	x	x	x		-Bảo trì - Hiệu chuẩn: nhiệt độ và kiểm tra áp suất ở nhiệt độ cài đặt 121°C - Kiểm định: + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất + Bình chịu áp lực + Siêu âm kiểm tra chiều dày nồi hấp
39	Nồi hấp tiệt trùng Sturdy SA-300VF	TB/VS/022.05	01	x	x	x		-Bảo trì - Hiệu chuẩn: nhiệt độ và kiểm tra áp suất ở nhiệt độ cài đặt 121°C - Kiểm định: + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất + Bình chịu áp lực + Siêu âm kiểm tra chiều dày nồi hấp
40	Nồi hấp tiệt trùng TC-406	TB/VS/022.06	01	x	x	x		-Bảo trì - Hiệu chuẩn: nhiệt độ và kiểm tra áp suất ở nhiệt độ cài đặt 121°C - Kiểm định:

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất + Bình chịu áp lực + Siêu âm kiểm tra chiều dày nồi hấp
41	Nồi hấp tiệt trùng (Isereal) LS-B100L	TB/VS/022.07	01	x	x	x		-Bảo trì - Hiệu chuẩn: nhiệt độ và kiểm tra áp suất ở nhiệt độ cài đặt 121°C - Kiểm định: + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất + Bình chịu áp lực + Siêu âm kiểm tra chiều dày nồi hấp
42	Máy phá mẫu vi sóng Berghof Speedwave SW-E	TB/HM/024.02	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn + Kiểm tra hoạt động bàn xoay; gia nhiệt khởi động. + Kiểm tra interlock switch + Kiểm tra khả năng gia nhiệt (warm-up Behavior) + Kiểm tra microwave leakage + Kiểm tra công suất đầu ra + Kiểm tra quạt + Kiểm tra độ chính xác nguồn IR ở nhiệt độ khoảng 205°C

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
43	Máy đo vòng vô khuẩn IUL Haloes Caliper Seri:1000900/555	TB/VS/025.02	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác của thước đo
44	Máy đo vòng vô khuẩn IUL Haloes Caliper Seri: 208/900	TB/VS/025.03	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Độ chính xác của thước đo
45	Tủ an toàn sinh học cấp II Esco AB2-4S1	TB/VS/026.02	01		x		x	-Bảo trì - Thử nghiệm: + Độ rò rỉ màng lọc + Hiệu suất lọc của màng HEPA + Kiểm tra hình thái dòng khí + Độ ồn + Tốc độ TB dòng khí qua cửa làm việc + Tốc độ TB dòng khí xuống bề mặt + Cường độ ánh sáng TB + Cường độ ánh sáng tím + Đếm hạt 0,5µm và 5 µm
46	Tủ mát Sanaky	TB/HM/027.02	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 10 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
47	Tủ lạnh Panasonic	TB/HM/028.04	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 5 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
48	Tủ lạnh Daling	TB/VS/028.05	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ: 15°C + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
49	Bể điều nhiệt Memmert WTB 35	TB/DL/029.02	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 60, 80, 95 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
50	Bể điều nhiệt LabTech LWB-211A	TB/VL/029.03	01	x	x			- Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 60, 95 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ
51	Bể điều nhiệt Memmert WNB 14	TB/VS/029.04	01	x	x			-Bảo trì - Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (°C): 45 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
52	Nhiệt kế thủy tinh Số 1- P38/PM2	TB/DL/033.14	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 25, 40, 80, 100
53	Nhiệt kế thủy tinh Số 2- P38/PM2	TB/DL/033.15	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 60, 85, 100, 105.
54	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 1- P39/PM1	TB/DL/035.19	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
55	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 2- P38/PM2	TB/DL/035.20	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
56	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 3- P36/PM3	TB/DL/035.21	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
57	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 4- P34/PC	TB/DL/035.22	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
58	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 5- P32/PCM	TB/DL/035.23	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
59	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Số 6 –P33/LM	TB/DL/035.24	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 15, 25, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
60	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Anymetre TH600B	TB/VL/035.25	01	x				- Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (^{0}C): 20, 30 + Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
61	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Amarell E915022	TB/VL/035.26	01	x				- Hiệu chuẩn: + Nhiệt độ (^{0}C): 23, 27 + Độ ẩm tương đối (%): 40, 70
62	Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech GSP-6	TB/DL/034.10	01	x				Hiệu chuẩn: Nhiệt độ (°C): 15, 25, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
63	Tủ Cấy vô trùng Esco LVG-4AG-F8	TB/VS/041.02	01				x	- Thử nghiệm: + Độ rò rỉ màng lọc + Hiệu suất lọc của màng HEPA + Kiểm tra hình thái dòng khí

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Tốc độ TB dòng khí qua cửa làm việc + Tốc độ TB dòng khí xuống bề mặt + Cường độ ánh sáng TB + Cường độ ánh sáng tím
64	Tủ Cấy vô trùng Aura	TB/VS/041.03	01				x	- Thử nghiệm: + Độ rò rỉ màng lọc + Hiệu suất lọc của màng HEPA + Kiểm tra hình thái dòng khí + Tốc độ TB dòng khí qua cửa làm việc + Tốc độ TB dòng khí xuống bề mặt + Cường độ ánh sáng TB + Cường độ ánh sáng tím
65	Cân sấy ẩm KERN DBS60-3	TB/VL/042.01	01	x	x			- Hiệu chuẩn định kỳ cân: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Hiệu chuẩn định kỳ nhiệt: + Nhiệt độ (°C): 60, 100, 105 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
66	Cân sấy ẩm AND MIX-50	TB/VL/042.02	01	x	x			- Hiệu chuẩn định kỳ cân: + Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Hiệu chuẩn định kỳ nhiệt: + Nhiệt độ (°C): 60, 100, 105 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
67	Kính hiển vi KRUSS MBL-2000-T	TB/DL/01K.04	01		x			Bảo trì - Kiểm tra độ phản hồi các nút bấm, phím xoay, bánh xe chỉnh tăng giảm nguồn sáng; các cửa chắn sáng, giảm sáng; cửa khẩu độ. - Kiểm tra các chức năng của hệ thống điều chỉnh tiêu cự soi; chức năng giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; hệ thống trượt ngang, dọc và truyền động. - Kiểm tra độ sáng, rõ của hệ quang. - Vệ sinh các bộ phận: + Ống kính; + Hệ quang của vật kính;

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								+ Hốc đặt vật kính và các vật kính; + Bàn nâng, thước và bộ điều chỉnh thước; + Giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; + Thước, hệ thống trượt; + Cửa khẩu độ, hệ thống điều chỉnh cửa, hệ thống nâng hạ cửa; + Hệ nâng ống kính nguồn sáng; + Board nguồn và hệ tăng cường nguồn sáng; + Hệ cơ nâng giá để mẫu và hệ tinh chỉnh hội tụ, khóa; + Kính chắn sáng và nguồn phát sáng, bộ điều chỉnh ánh sáng và nguồn điện; + Bộ chỉnh hội tụ; - Kiểm tra vệ sinh xung quanh thiết bị
68	Kính hiển vi Olympus CX-23LEDRFS1	TB/VS/01K.05	01		x			Bảo trì - Kiểm tra độ phản hồi các nút bấm, phím xoay, bánh xe chỉnh tăng giảm nguồn sáng; các cửa chắn sáng, giảm sáng; cửa khẩu độ. - Kiểm tra các chức năng của hệ thống điều chỉnh tiêu cự soi; chức

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
								năng giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; hệ thống trượt ngang, dọc và truyền động. - Kiểm tra độ sáng, rõ của hệ quang. - Vệ sinh các bộ phận: + Ống kính; + Hệ quang của vật kính; + Hốc đặt vật kính và các vật kính; + Bàn nâng, thước và bộ điều chỉnh thước; + Giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; + Thước, hệ thống trượt; + Cửa khẩu độ, hệ thống điều chỉnh cửa, hệ thống nâng hạ cửa; + Hệ nâng ống kính nguồn sáng; + Board nguồn và hệ tăng cường nguồn sáng; + Hệ cơ nâng giá để mẫu và hệ tinh chỉnh hội tụ, khóa; + Kính chắn sáng và nguồn phát sáng, bộ điều chỉnh ánh sáng và nguồn điện; + Bộ chỉnh hội tụ; - Kiểm tra vệ sinh xung quanh thiết bị

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ SỐ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
69	Máy cất nước 1 lần Thermo A015-B-61	TB/HC/20K.03	01		x			Bảo trì: + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh điện thanh đốt + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh bầu đun + Ngâm vệ sinh hệ thống ngưng tụ + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh các đầu dò + Kiểm tra, vệ sinh bo mạch, các kết nối, các role đóng ngắt + Lắp đặt vào hệ thống và kiểm tra lại các kết nối ống dẫn với nguồn cấp nước

Tổng số lượng thiết bị: 69 thiết bị

Phụ lục 2

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 606/TB-TTKN ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục thiết bị hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm năm 2026 đợt 2** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1									
2									
n									
TỔNG CỘNG CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT (VNĐ)									
Thuế (VNĐ)									
TỔNG CỘNG ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT (VNĐ)									
Bằng chữ:.....									

2. Giá trên đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí đi lại, chi phí thực hiện tại Trung tâm, chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, viên chuẩn (nếu có), chi phí vận chuyển thiết bị từ Trung tâm đến nơi thực hiện dịch vụ và ngược lại đối với các thiết bị phải thực hiện hiệu chuẩn/bảo trì/kiểm định/thử nghiệm tại cơ sở của nhà cung cấp, cùng các chi phí liên quan khác để hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu của Trung tâm.

3. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận báo giá.

4. Chúng tôi cam kết:

- Về chất lượng dịch vụ của mình cung cấp.
- Thực hiện đầy đủ các dịch vụ theo danh mục và nội dung đã chào giá, bảo đảm đúng số lượng, chất lượng và đơn giá đã báo giá.
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)